

TẬP ĐOÀN  
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM  
**BỆNH VIỆN BUU ĐIỆN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1990 /BVBD-KD&ĐT  
V/v: Yêu cầu Báo giá  
Dịch vụ xét nghiệm

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Bệnh viện Bưu điện có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ xét nghiệm sàng lọc, chẩn đoán ung thư và xét nghiệm gen di truyền tầm soát bệnh lý cho người bệnh tại Bệnh viện Bưu điện.

Bằng văn bản này, Bệnh viện Bưu điện kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ xét nghiệm gửi Báo giá đến Bệnh viện Bưu điện (*Danh mục xét nghiệm và mẫu báo giá tại Phụ lục đính kèm*) về địa chỉ sau:

Phòng Văn thư – Bệnh viện Bưu điện

Địa chỉ: Số 49 Phố Trần Điền, Phường Phương Liệt, Hà Nội

Số điện thoại: 024.3225.2841

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 16 giờ 30 phút ngày 15 tháng 7 năm 2026

(Đồng thời gửi Bản scan thông tin và báo giá hợp pháp qua email:  
[phongkddt@benhvienbuudien.vn](mailto:phongkddt@benhvienbuudien.vn))

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: KD&ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Mạnh Đức**

**PHỤ LỤC  
MẪU BÁO GIÁ**

(Kèm theo Công văn số: 1990 /BVBD-KD&ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2026)

**CÔNG TY.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: BỆNH VIỆN BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi, Công ty ....., có địa chỉ tại ..... xin gửi tới Quý Bệnh viện bản chào giá dịch vụ xét nghiệm như sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên xét nghiệm                                                                                  | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm   | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
| 1   | Xét nghiệm tầm soát sớm 8 loại ung thư phổ biến dựa trên phân tích ctDNA phóng thích từ khối u  | <p>Phạm vi khảo sát:<br/>Hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm 8 loại ung thư phổ biến nhất (Gan, Vú, Phổi, Dạ dày, Đại trực tràng, Thực quản, Tuyến tụy, Đầu- Cổ<sup>(1)</sup>) dựa trên ctDNA<sup>(2)</sup> phóng thích từ khối u.</p> <p><sup>(1)</sup> Ung thư Đầu – Cổ không bao gồm u não, u hốc mắt, ung thư tuyến giáp, ung thư da vùng đầu cổ.</p> <p><sup>(2)</sup> Việc phân tích ctDNA không phát hiện tất cả các bệnh ung thư và nên được dùng bổ sung cho các tầm soát ung thư thường quy quan trọng được khuyến cáo hiện nay nhằm nâng hiệu quả tầm soát kết hợp.</p> | Mẫu máu (10ml- ống thu cfDNA) | 30           |                                |            |
| 2   | Xét nghiệm tầm soát sớm 10 loại ung thư phổ biến dựa trên phân tích ctDNA phóng thích từ khối u | <p>Hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm 10 loại ung thư (Vú, Phổi, Gan-Đường mật, Dạ dày, Đại-Trực Tr tràng, Buồng trứng, Tuyến tụy, Thực quản, Nội mạc tử cung và Đầu-cổ*) dựa trên ctDNA phóng thích từ khối u.</p> <p>(*) Phạm vi khảo sát Ung thư đầu-cổ không bao gồm: u não, u hốc mắt, ung thư tuyến giáp, ung thư da vùng đầu cổ.</p>                                                                                                                                                                                                                                       | Mẫu máu (10ml- ống thu cfDNA) | 80           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                                    | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                   | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm               | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
| 3   | Xét nghiệm tầm soát sớm ung thư phổi dựa trên phân tích ctDNA phóng thích từ khối u               | Xét nghiệm ứng dụng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới (NGS) phát hiện ctDNA từ tế bào ung thư, hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm ung thư Phổi.                                                                                       | Mẫu máu (10ml- ống thu cfDNA)             | 75           |                                |            |
| 4   | Xét nghiệm tầm soát sớm ung thư đại trực tràng thông qua đánh giá tình trạng methyl hóa gen SEPT9 | Phạm vi khảo sát:<br>Xét nghiệm hỗ trợ tầm soát, phát hiện sớm ung thư đại trực tràng thông qua đánh giá tình trạng methyl hóa gen SEPT9 trong DNA ngoại bào (cell-free DNA - cfDNA).                                                | Mẫu máu (10ml- ống thu cfDNA)             | 75           |                                |            |
| 5   | Xét nghiệm sàng lọc ung thư nội mạc tử cung                                                       | Hỗ trợ tầm soát và phân tầng nguy cơ ung thư nội mạc tử cung bằng giải pháp methyl hóa DNA của các gen CDO1 và CELF4                                                                                                                 | <b>Thu mẫu:</b><br>Phết tế bào cổ tử cung | 200          |                                |            |
| 6   | Xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung                                                            | Hỗ trợ tầm soát và phân tầng nguy cơ ung thư cổ tử cung bằng giải pháp methyl hóa DNA của các gen PAX1 và JAM3 kết hợp định typ HPV (28 typ)                                                                                         | <b>Thu mẫu:</b><br>Phết tế bào cổ tử cung | 50           |                                |            |
| 7   | Xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư nội mạc tử cung                                 | Kết hợp 03 xét nghiệm:<br>- PAX1 & JAM3 methylation<br>- HPV DNA 28 genotyping<br>- CDO1 & CELF4 methylation<br>Hỗ trợ tầm soát phát hiện sớm 02 loại ung thư phụ khoa phổ biến:<br>Ung thư nội mạc tử cung và cổ tử cung            | <b>Thu mẫu:</b><br>Phết tế bào cổ tử cung | 50           |                                |            |
| 8   | Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền ở nam giới                                          | Khảo sát trên 10 gen để kiểm tra bệnh ung thư tiền liệt tuyến di truyền, ung thư dạ dày và ung thư đại trực tràng di truyền dành cho nam:<br>- BRCA1, BRCA2<br>- MLH1, MSH2, MSH6, PMS2, EPCAM (hội chứng Lynch)<br>APC, MUTYH, CDH1 | 2ml máu/<br>phết niêm mạc                 | 30           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                    | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
| 9   | Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền ở nữ giới           | Phân tích đột biến trên 10 gen có bằng chứng khoa học mạnh nhất liên quan đến ung thư vú, buồng trứng và đại trực tràng di truyền ( <i>BRCA1, BRCA2, PTEN, TP53, CDH1, PALB2, STK11, MLH1, MSH2, APC</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2ml máu/<br>phết niêm mạc   | 20           |                                |            |
| 10  | Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền cho 15 loại ung thư | Phân tích đột biến trên 17 gen giúp tầm soát 15 loại ung thư di truyền: dạ dày, vú, buồng trứng, đại trực tràng, nội mạc tử cung, tụy, tiền liệt tuyến, thận, u cận hạch, u nguyên bào vồng mạc, da, u tủy thượng thận; ung thư tuyến giáp, đa u tuyến nội tiết, ung thư thận.                                                                                                                                                                                                                                         | 2ml máu/<br>phết niêm mạc   | 20           |                                |            |
| 11  | Xét nghiệm tầm soát nguy cơ ung thư di truyền cho 30 loại ung thư | Phân tích đột biến trên 145 gen giúp tầm soát 30 loại ung thư di truyền: da, bệnh bạch cầu cấp (ung thư máu), đại trực tràng, vú, ung thư phổi, thận, tụy, buồng trứng, dạ dày, bàng quang, nội mạc tử cung, tiền liệt tuyến, ung thư đầu cổ, não, u tế bào cận hạch thần kinh, ung thư đường mật, tuyến giáp, xương, đa u tuyến nội tiết, sarcoma cơ vân, gan, ruột non, u tuyến yên, u nguyên bào thần kinh, u sợi thần kinh, u tủy thượng thận, ung thư tuyến cận giáp, u nguyên bào vồng mạc, thực quản, đa u tủy. | 2ml máu/<br>phết niêm mạc   | 35           |                                |            |
| 12  | Xét nghiệm tầm soát nguy cơ bệnh mạn tính và ung thư di truyền    | Xét nghiệm phát hiện đột biến trên:<br>- 145 gen liên quan đến 30 loại ung thư di truyền: Ung thư da, Bệnh bạch cầu cấp (Ung thư máu), Ung thư đại - trực tràng, Ung thư vú, Ung thư phổi, Ung thư thận, Ung thư tụy, Ung thư buồng trứng, Ung thư dạ dày, Ung thư bàng quang, Ung thư nội mạc tử cung, Ung thư tiền liệt tuyến, Ung thư đầu cổ, Ung thư não, U tế bào cận hạch thần kinh, Ung thư đường mật, Ung thư tuyến giáp, Ung thư xương, Đa u tuyến nội tiết, Sarcoma cơ vân,                                  | 2ml máu/<br>phết niêm mạc   | 35           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                                                                                 | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                    | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     |                                                                                                                                                | <p>Ung thư gan, Ung thư ruột non, U tuyến yên, U nguyên bào thần kinh, U sợi thần kinh, U tủy thượng thận, Ung thư tuyến cận giáp, U nguyên bào võng mạc, Ung thư thực quản, Đa u tủy.</p> <p>- 19 gen liên quan đến 18 bệnh di truyền lặn phổ biến của người Việt Nam</p> <p>- 34 gen liên quan đến 30 hội chứng và bệnh mạn tính di truyền như bệnh tim mạch (cơ tim, van tim và rối loạn nhịp); bệnh lý mô liên kết: hội chứng Loeys-dietz, hội chứng Marfan và nhóm bệnh nội tiết – chuyển hóa: bệnh tăng cholesterol di truyền, tăng thân nhiệt ác tính, thiếu men xúc tác Ornithine transcarbamylase, bệnh Fabry's</p> <p>Tùy chọn tích hợp Xét nghiệm tầm soát sớm 10 loại ung thư phổ biến dựa trên phân tích ctDNA phóng thích từ khối u (không thu phí)</p> |                                                |              |                                |            |
| 13  | Xét nghiệm người lành mang gen bệnh: 20 bệnh di truyền lặn phổ biến nhất, bao gồm Tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH) và Teo cơ tủy sống (SMA) | <p>Khảo sát 7.555 đột biến gây bệnh trên 21 gen liên quan đến 20 bệnh di truyền lặn đơn gen phổ biến nhất, bao gồm bệnh Tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH), Teo cơ tủy sống (SMA) và 18 bệnh di truyền gen lặn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thu 2ml máu bằng ống Edta/ phết niêm mạc má/ối | 10           |                                |            |
| 14  | Xét nghiệm tầm soát bệnh di truyền lặn                                                                                                         | <p>Khảo sát 7.535 đột biến gây bệnh trên 19 gen HBA1, HBA2, HBB, PAH, G6PD, GALT, SLC25A13, SRD5A2, GAA, ATP7B, SMPD1, CFTR, IGHMBP2, SLC26A4,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thu 2ml máu bằng ống Edta/ phết niêm mạc       | 50           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                  | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                    | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     |                                                                 | <p>PKHD1, F8, OTC, ABCD1, SLC22A5, tương ứng với 18 bệnh di truyền lặn như sau:</p> <p>Tan máu bẩm sinh thể Alpha (khảo sát mất đoạn SEA, 3.7, 4.2, THAI và 183 đột biến điểm gây bệnh trên gen HBA1, HBA2); Tan máu bẩm sinh thể Beta (khảo sát 318 đột biến điểm gây bệnh trên gen HBB); Không dung nạp đạm (Phenylketon niệu); Thiếu men G6PD; Dị ứng sữa (rối loạn chuyển hóa galactose); Vàng da ứ mật do thiếu men citrin; Rối loạn phát triển giới tính ở nam do thiếu men 5-alpha reductase; Bệnh Pompe (rối loạn dự trữ glycogen loại 2); Bệnh Wilson (rối loạn chuyển hóa đồng); Bệnh Niemann-Pick type A&amp;B; Bệnh Xơ nang; Teo cơ tủy sống với suy hô hấp type 1 (Charcot Marie Tooth type 2S); Hội chứng Pendred (di truyền); Thận đa nang (Bệnh Caroli); Máu khó đông Hemophilia A; Thiếu ornithine transcarbamylase; Loạn dưỡng chất trắng não - thượng thận; Thiếu men carnitine nguyên phát.</p> | má/ối                                          |              |                                |            |
| 15  | Xét nghiệm tầm soát bệnh di truyền lặn Thalassemia Alpha & Beta | <p>Khảo sát 505 mất đoạn và đột biến gây bệnh Thalassemia Alpha và Beta, cụ thể như sau:</p> <p>- Tan máu bẩm sinh thể Alpha: Khảo sát các mất đoạn phổ biến nhất gây bệnh là mất đoạn Southeast Asian (-SEA), mất đoạn 3.7kb (-a3.7), mất đoạn 4.2kb (-a4.2), THAI và 183 đột biến điểm gây bệnh bao gồm đột biến CS, QS trên gen HBA1 &amp; HBA2.</p> <p>- Tan máu bẩm sinh thể Beta: Khảo sát 318 đột biến điểm gây bệnh trên gen HBB bao gồm 16 đột biến phổ biến nhất 28(A-G), -29(A-G),</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thu 2ml máu bằng ống Edta/ phết niêm mạc má/ối | 50           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                                | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                                           | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     |                                                                                               | Cap(-AAAC), Int(T-G), CD14/15(+G), CD17(A-T), CD27/28(+C), $\beta$ E(G-A), CD31(-C), CD41/42 (-TTCT), CD3(G-T), CD71/72(+A), IVS-I-1(G-T), IVS-I-1(G-A), IVS-I-5(G-C), IVS-II-654(C-T).                                                                                                                                                                                                                     |                                                                       |              |                                |            |
| 16  | Xét nghiệm phân tích bất thường số lượng & cấu trúc nhiễm sắc thể                             | CNVseq tìm kiếm những bất thường trên NST bằng cách phân tách DNA từ nhiều dạng mẫu (máu, mô, dịch ối, gai nhau, ...). DNA sau khi được phân tách sẽ được tiến hành giải trình tự bằng công nghệ giải trình tự thế hệ mới NGS, phân tích bằng phần mềm chuyên biệt để phát hiện bất thường di truyền.<br>Khảo sát toàn bộ các bất thường số lượng trên 23 NST với tất cả các vi mất, lặp đoạn lớn hơn 400kp | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy, phết niêm mạc má | 50           |                                |            |
| 17  | Xét nghiệm giải trình tự bộ gen gây bệnh                                                      | Xét nghiệm phân tích vùng mã hóa của 4503 gen<br>Khảo sát 4503 gen gây bệnh được biết đến hiện nay. Lệnh bội nhiễm sắc thể và tất cả vi mất đoạn, vi lặp đoạn lớn hơn 400kp                                                                                                                                                                                                                                 | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, phết niêm mạc má              | 30           |                                |            |
| 18  | Xét nghiệm giải trình tự bộ gen gây bệnh cho gia đình bao gồm 03 xét nghiệm cho bố - mẹ - con | Xét nghiệm phân tích vùng mã hóa của 4503 gen dành cho gia đình<br>Khảo sát 4503 gen gây bệnh được biết đến hiện nay. Lệnh bội nhiễm sắc thể và tất cả vi mất đoạn, vi lặp đoạn lớn hơn 400kp                                                                                                                                                                                                               | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy, phết niêm mạc má | 5            |                                |            |
| 19  | Xét nghiệm giải trình tự vùng mã hóa (exon) của khoảng 20.000 gen                             | Xét nghiệm giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa<br>Khảo sát đột biến điểm SNV vùng mã hóa và vùng intron kề cận 2 đầu của exon (10-20bp); vi mất/lặp đoạn trong gen (đến mức 1 exon); một số đột biến vùng intron của                                                                                                                                                                                          | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy,                  | 5            |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                     | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                            | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                                           | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     |                                                                                    | 20.000 gen khảo sát                                                                                                                                                                                           | phết niêm mạc má                                                      |              |                                |            |
| 20  | Xét nghiệm giải trình tự toàn bộ exon và intron của khoảng 22.000 gen              | Xét nghiệm giải trình tự bộ gen Phân tích tất cả 3 tỉ nucleotit bộ gen người, bao gồm vùng mã hóa-exon (của khoảng 22.000 gen) và vùng không mã hóa protein – intron                                          | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy, phết niêm mạc má | 5            |                                |            |
| 21  | Xét nghiệm khảo sát 37 gen mtDNA trong bệnh ty thể                                 | Xét nghiệm khảo sát những hội chứng di truyền khi ty thể không sản xuất đủ ATP cho tế bào Khảo sát đột biến điểm SNV và indel của tất cả 37 gen trong ti thể gây bệnh ti thể làm tổn thương đa cơ quan.       | 2ml máu/ối, gai nhau, mô                                              | 5            |                                |            |
| 22  | Xét nghiệm chẩn đoán bệnh Teo cơ tủy sống (SMA)                                    | Khảo sát tất cả các đột biến điểm vùng mã hóa, vùng intron kế cận 10bp và mất/lặp exon 7-8 trên gen SMN1 và SMN2 liên quan đến bệnh Teo cơ tủy sống - SMA.                                                    | 2ml máu/ối, gai nhau, mô                                              | 5            |                                |            |
| 23  | Xét nghiệm chẩn đoán bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne (DMD)                             | Khảo sát tất cả đột biến điểm vùng mã hóa, vùng intron kế cận 10bp và vi mất đoạn/lặp exon trong gen DMD liên quan bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne.                                                               | 2ml máu/ối, gai nhau, mô                                              | 5            |                                |            |
| 24  | Xét nghiệm phân tích trio WES cho gia đình bao gồm 03 xét nghiệm cho bố - mẹ - con | Khảo sát đột biến điểm, indel của tất cả vùng mã hóa protein – exon và vùng kế cận intron ( $\pm 10$ bp) của khoảng 22.000 gen; khảo sát lệch bội nhiễm sắc thể và tất cả các vi mất/lặp đoạn $\geq 400$ kb.  | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy, phết niêm mạc má | 5            |                                |            |
| 25  | Xét nghiệm phân tích trio WGS cho gia đình gồm 03 xét                              | Khảo sát đột biến điểm, indel của tất cả vùng mã hóa protein – exon và vùng không mã hóa protein – intron của khoảng 22.000 gen; khảo sát lệch bội nhiễm sắc thể và tất cả các vi mất/lặp đoạn $\geq 400$ kb. | Máu - Ống EDTA 2 ml, dịch ối, gai nhau, mô thai sảy,                  | 5            |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                     | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                                           | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     | nghiệm cho bố - mẹ - con                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | phết niêm mạc má                                                      |              |                                |            |
| 26  | Xét nghiệm chẩn đoán nguyên nhân di truyền gây vô sinh ở nữ giới                   | Khảo sát kiểu gen tiền đột biến của lặp bộ ba CGG trên gen FMR1 liên quan đến hội chứng suy buồng trứng sớm (FXPOI), bất thường vi mất/lặp đoạn NST > 400kb và đột biến gây bệnh của 275 gen gây vô sinh, hiếm muộn, sảy thai liên tiếp chưa rõ nguyên nhân ở nữ giới.                                                                                                          | Tối thiểu 2ml máu ngoại vi ống EDTA                                   | 505          |                                |            |
| 27  | Xét nghiệm chẩn đoán nguyên nhân di truyền gây vô sinh ở nam giới                  | Khảo sát bất thường vi mất/lặp đoạn NST > 400kb và đột biến gây bệnh của 171 gen gây vô sinh, hiếm muộn, sảy thai liên tiếp chưa rõ nguyên nhân ở nam giới.                                                                                                                                                                                                                     | Tối thiểu 2ml máu ngoại vi ống EDTA                                   | 505          |                                |            |
| 28  | Xét nghiệm 1 đột biến điểm SNV                                                     | Xét nghiệm 1 đột biến điểm SNV đã được xác định bằng NGS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2ml máu/ối, gai nhau                                                  | 5            |                                |            |
| 29  | Xét nghiệm chẩn đoán bệnh Tăng sản thượng thận bẩm sinh (CAH)                      | Khảo sát tất cả các đột biến điểm vùng mã hóa, vùng intron kề cận 10bp và vi mất đoạn/lặp exon trong gen CYP21A2 liên quan bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh.                                                                                                                                                                                                                  | Máu - Ống EDTA 2 ml, Mẫu phết niêm mạc má, Mẫu ối 2 ống (mỗi ống 8ml) | 5            |                                |            |
| 30  | Xét nghiệm phát hiện đột biến gen cho phương pháp điều trị nhắm trúng đích ung thư | Khảo sát các gen điều trị đích cho 14 loại ung thư:<br>1. Ung thư Phổi (16): EGFR, KRAS, BRAF, NRAS, MET amplification/mutations, HER2 amplification/mutations, ALK fusion/mutations, ROS1 fusion, NTRK fusion, FGFR2 fusion, PIK3CA, RET fusion/mutations, TP53, STK11, KEAP1, MAP2K1<br>2. Ung thư Đại-Trực Tràn (7): KRAS, NRAS, BRAF, HER2 amplification/mutations, PIK3CA, | - Mẫu U (FFPE)<br>- Mẫu máu (STL)                                     | 10           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     |                                               | <p>NTRK fusion, RET fusion</p> <p>3. Ung thư Dạ Dày (5) :<br/>HER2 amplification/mutation, PIK3CA, NTRK fusion, BRAF, RET fusion</p> <p>4. Ung thư Buồng Trứng (5):<br/>BRCA1, BRCA2, BRAF, NTRK fusion, RET fusion</p> <p>5. Ung thư Vú (11): BRCA1, BRCA2, PALB2, PIK3CA, AKT1, PTEN, ESR1, HER2 amplification/mutations, NTRK fusion, FGFR2 fusion, RET fusion</p> <p>6. Ung thư Tụy (8): BRCA1, BRCA2, PALB2, KRAS, NRAS, BRAF, RET fusion, NTRK fusion</p> <p>7. Ung thư Tuyến Giáp (5): BRAF, NTRK fusion, ALK fusion, RET fusion/mutations, FGFR2 fusion</p> <p>8. Ung thư Cổ Tử Cung (2):<br/>NTRK fusion, RET fusion</p> <p>9. Ung thư Tiền Liệt Tuyến (6):<br/>BRCA1, BRCA2, PALB2, AR, NTRK fusion, RET fusion</p> <p>10. U mô đệm đường tiêu hóa GIST (4): KIT, PDGFRA, BRAF, RET fusion</p> <p>11. Ung thư hắc tố da (Melanoma) (4): BRAF, KIT, NRAS, RET fusion</p> <p>12. U mô bào Erdheim-Chester, Langerhans, Rosai-Dorfman (4): MAP2K1, KRAS, NRAS, BRAF</p> <p>13. U não (6): IDH1, IDH2, FGFR2 fusion, BRAF, RET fusion, NTRK fusion</p> <p>14. Ung thư đường mật (8): FGFR2 fusion, IDH1, IDH2, HER2 amplification/mutation, KRAS, BRAF, RET fusion, NTRK fusion</p> |                             |              |                                |            |
| 31  | Xét nghiệm khảo sát tối ưu chỉ dấu quan trọng | <b>1. Phạm vi khảo sát:</b> Xét nghiệm đa chỉ dấu phân tử bằng giải trình tự gen thế hệ mới (NGS) được khuyến cáo thực hiện ngay từ thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Máu - Ống Streck 10-20 ml   | 10           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm                                                                                                                      | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm                                     | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     | của khối u                                                                                                                          | <p>điểm chẩn đoán nhằm tránh bỏ sót các đột biến quan trọng trong quá trình chăm sóc bệnh nhân. Xét nghiệm cung cấp thông tin phân tử toàn diện giúp hỗ trợ lựa chọn phương pháp điều trị phù hợp và cá thể hóa cho từng bệnh nhân thông qua 4 loại chỉ dấu quan trọng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát đột biến đích (Actionable Mutations) và đột biến kháng thuốc</li> <li>- Khảo sát tồn dư tối thiểu (MRD) sau phẫu thuật triệt căn/ động năng ctDNA theo dõi đáp ứng điều trị</li> <li>- Khảo sát bất ổn định vi vệ tinh (MSI)</li> <li>- Khảo sát đột biến di truyền (Germline Mutations)</li> </ul> <p><b>2. Loại ung thư:</b><br/> <b>20 loại ung thư:</b> Phổi, Đại tràng, Vú, U trung thất, U trung mô màng phổi, Thực quản, Dạ dày, U mô đệm đường tiêu hóa (GIST), Gan, Tuyến tụy, Bàng quang, Tử cung, Cổ tử cung, Nội mạc tử cung, Ống dẫn trứng, Buồng trứng, Biểu mô ống mật, Bóng Vater, Túi mật, Tuyến tiền liệt*</p> <p><i>*Xét nghiệm không khảo sát MRD và động năng ctDNA ở bệnh nhân ung thư Tiền liệt tuyến.</i></p> | và 10 lát cắt FFPE chia vào 2 ống tube vi sinh (mỗi tube 5 lát) |              |                                |            |
| 32  | Xét nghiệm theo dõi tồn dư tối thiểu khối u (MRD)/ động năng ctDNA cho bệnh nhân cần đánh giá định kỳ hiệu quả điều trị và theo dõi | <p><b>1. Phạm vi khảo sát:</b><br/> Khảo sát tồn dư tối thiểu (MRD)/động năng ctDNA của khối u cho người đã thực hiện xét nghiệm khảo sát các chỉ dấu quan trọng của khối u lần 1, cần đánh giá định kỳ hiệu quả điều trị và theo dõi tái phát sớm.</p> <p><b>2. Loại ung thư:</b><br/> <b>19 loại ung thư:</b> Phổi, Đại tràng, Vú, U trung thất, U trung mô màng phổi, Thực quản, Dạ dày, U mô</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mẫu máu (10ml- ống streck)                                      | 10           |                                |            |

| STT | Tên xét nghiệm | Phạm vi xét nghiệm                                                                                                                                            | Quy cách lấy mẫu xét nghiệm | Số lượng mẫu | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí) | Thành tiền |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------------|------------|
|     | tái phát sớm   | đệm đường tiêu hóa (GIST), Gan, Tuyến tụy, Bàng quang, Tử cung, Cổ tử cung, Nội mạc tử cung, Ống dẫn trứng, Buồng trứng, Biểu mô ống mật, Bóng Vater, Túi mật |                             |              |                                |            |

- Báo giá có hiệu lực trong vòng ... ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, chi phí vật tư lấy mẫu và các chi phí khác (nếu có).

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2026  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**  
*(Ký tên, đóng dấu)*